

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2020/HS-ST
Ngày 12-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Lành và bà Doãn Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thái Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 154/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1984, tại Gia Lai; nơi cư trú: Thôn 1, xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1 (đã chết) và bà Bùi Thị H2; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị D (đã ly hôn) và 1 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14-7-2020 cho đến nay. Có mặt.

2. **Nguyễn Văn N**, sinh ngày 12-7-2002, tại Gia Lai; nơi cư trú: Thôn 1, xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị D; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14-7-2020 cho đến nay. Có mặt.

Bị hại: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1965 và bà Lê Thị Kim N1, sinh năm 1972; địa chỉ: 723 đường T, tổ 3, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Cao Thành Q, sinh ngày 15-4-2003; địa chỉ: Thôn 1, xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh Cao Thành Q: Bà Nguyễn Thị Xuân H3, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn 1, xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Là mẹ đẻ của anh Cao Thành Q). Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn N2, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn 1, xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Trên cơ sở kết quả điều tra, xác định được như sau:

Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn N có quan hệ cha - con, N có quan hệ quen biết với anh Cao Thành Q. Từ ngày 01-6-2020 đến ngày 04-6-2020, Nguyễn Văn N, Cao Thành Q và Nguyễn Văn H đã vào rẫy cà phê có trồng xen canh cây mắc-ca tại thôn 1, xã D, thành phố P của ông Hoàng Văn T và bà Lê Thị Kim N1 để hái trộm trái mắc-ca, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 15 giờ ngày 01-6-2020, Nguyễn Văn N đến nhà Cao Thành Q chơi và rủ Q đi hái trộm trái mắc-ca về ăn, Q đồng ý. Sau đó, N điều khiển xe máy biển số 81AA-038.38 chở Q đến rẫy cà phê có trồng xen canh cây mắc-ca của ông Hoàng Văn T và bà Lê Thị Kim N1; cả hai lên lút hái được 17 kg trái mắc-ca tươi, bỏ vào trong 1 bao xác rắn rồi mang về nhà Q cất giấu.

Vụ thứ hai: Khoảng 15 giờ ngày 02-6-2020, Nguyễn Văn N điều khiển xe máy biển số 81AA-038.38 từ nhà đi đến rẫy của ông Hoàng Văn T và bà Lê Thị Kim N1, lên lút hái trái mắc-ca tươi. Số trái mắc-ca tươi hái được, Nguyễn Văn N mang về nhà đập vỏ, phơi khô được 4 kg hạt, rồi cất giấu.

Vụ thứ ba: Khoảng 15 giờ ngày 03-6-2020, Nguyễn Văn N rủ Nguyễn Văn H đến rẫy của ông Hoàng Văn T và bà Lê Thị Kim N1 hái trộm trái mắc-ca, Nguyễn Văn H đồng ý. Sau đó, Nam điều khiển xe máy biển số 81AA-038.38 chở Hồng đến rẫy của ông T, bà N1 lên lút hái trái mắc-ca tươi. Số trái mắc-ca tươi hái được, cả hai mang về nhà đập vỏ, phơi khô được 4 kg hạt, rồi cất giấu.

Vụ thứ tư: Khoảng 9 giờ ngày 04-6-2020, Nguyễn Văn H rủ Nguyễn Văn N đến rẫy của ông Hoàng Văn T và bà Lê Thị Kim N1 hái trộm trái mắc-ca, N đồng ý. Sau đó, N điều khiển xe máy biển số 81AA-038.38 chở H đến rẫy của ông T, bà N1 lên lút hái trái mắc-ca tươi. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, khi H và N đang lên lút hái trái mắc-ca tươi cho vào 2 bao xác rắn, thì cả hai bị ông T và bà N1 phát hiện, báo cáo Công an xã D, thành phố P. Ngay sau đó, Công an xã D đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với H và N, thu giữ 1 bao xác rắn màu vàng bên trong chứa 34 kg trái mắc-ca tươi, 1 bao xác rắn màu trắng bên trong chứa 13,8 kg trái mắc-ca tươi và xe máy biển số 81AA-038.38. Vụ việc được Công an xã D chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P xử lý. Sau đó, N tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 8 kg hạt mắc-ca khô đựng

trong 1 bao xác rắn màu vàng, đây là số hạt mắc-ca khô N có được từ các lần hái trộm trái mắc-ca tươi của ông T, bà N1 vào các ngày 02-6-2020 và 03-6-2020.

Đến 13 giờ 30 phút ngày 04-6-2020, Cao Thành Q đến Công an xã D, thành phố P đầu thú và giao nộp 17 kg trái mắc-ca tươi đựng trong 1 bao xác rắn, đây là số trái mắc-ca Q và N hái trộm vào ngày 01-6-2020.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

2. Các vấn đề khác:

Qua định giá, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố P kết luận: 47,8 kg trái mắc-ca còn vỏ màu xanh, trị giá 4.780.000 đồng; 17 kg trái mắc-ca còn vỏ màu xanh, trị giá 1.700.000 đồng; 8 kg hạt mắc-ca, trị giá 1.200.000 đồng. Sau khi định giá, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã xử lý trả lại toàn bộ số trái, hạt mắc-ca nêu trên cho ông Hoàng Văn T và bà Lê Thị Kim N1. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn N không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số 155/CT-VKS ngày 01-10-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn N về tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn N và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, các điểm i và s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H với mức án từ 9 tháng đến 1 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 50; các điểm i và s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65, Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N với mức án từ 6 tháng đến 9 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 1 năm đến 1 năm 6 tháng.

Các bị cáo không có nghề nghiệp, việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về dân sự: Do ông Hoàng Văn T và bà Lê Thị Kim N1 đã nhận lại số trái, hạt mắc-ca đã bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì về dân sự nên không xem xét.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Các bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi sai trái của mình và cam đoan sẽ không tái phạm nữa, xin Hội đồng xét xử xem xét và giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của các bị cáo:

Xét thấy lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn N phạm tội như sau:

Với thủ đoạn lợi dụng rẫy cà phê có trồng xen cây mắc-ca của ông Hoàng Văn T và bà Lê Thị Kim N1 không có người trông coi, từ ngày 01-6-2020 đến ngày 04-6-2020, Nguyễn Văn N, Cao Thành Q và Nguyễn Văn H đã nhiều lần lén lút hái trộm trái mắc-ca của ông Trương Văn T và bà Lê Thị Kim N1. Cụ thể:

- Ngày 01-6-2020, N và Q lén lút hái 17 kg trái mắc-ca tươi, trị giá 1.700.000 đồng.

- Ngày 02-6-2020, N lén lút hái trái mắc-ca tươi sau đó đập vỏ, phơi khô được 4 kg hạt, trị giá 600.000 đồng.

- Ngày 03-6-2020, N và H lén lút hái trái mắc-ca tươi sau đó đập vỏ, phơi khô được 4 kg hạt, trị giá 600.000 đồng.

- Ngày 04-6-2020, N và H lén lút hái 47,8 kg trái mắc-ca tươi, trị giá 4.780.000 đồng thì cả hai bị phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng, xe máy biển số 81AA-038.38 N sử dụng làm phương tiện đi trộm trái mắc-ca cũng bị thu giữ. Sau đó, N và Q đã tự nguyện giao nộp lại toàn bộ số trái, hạt mắc-ca đã hái trộm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại toàn bộ số trái, hạt mắc-ca bị chiếm đoạt cho ông T và bà N1.

Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác đều bị xử lý nghiêm.

Bản thân các bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm mang tính giản đơn. Trong đó, Nguyễn Văn H là người khởi xướng, rủ rê Nguyễn Văn N đi trộm cắp tài sản. Cả hai bị cáo đều có vai trò là người thực hành, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình với một hình phạt tương xứng.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Văn H khởi xướng, rủ rê bị cáo Nguyễn Văn N đi trộm cắp tài sản khi bị cáo N chưa đủ 18 tuổi, do đó hành vi của bị cáo H đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tuy nhiên, cũng xét cho các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Khi phạm tội bị cáo Nguyễn Văn N dưới 18 tuổi. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự về xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để quyết định hình phạt đối với bị cáo. Do bị cáo Nguyễn Văn N có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần xử phạt tù, cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo Nguyễn Văn H không có nghề nghiệp, việc làm ổn định; bị cáo Nguyễn Văn N dưới 18 tuổi phạm tội nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về dân sự:

Ông Hoàng Văn T và bà Lê Thị Kim N1 đã nhận lại số trái, hạt mắc-ca bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác về dân sự nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về vật chứng vụ án:

Đối với 2 bao xác rắn mà N và H dùng đựng trái mắc-ca khi bị bắt quả tang và 2 bao xác rắn mà N và Q dùng đựng hạt, trái mắc-ca, xẹt đây là công cụ, phương tiện phạm tội và là tài sản có giá trị không lớn nên cần tịch thu và tiêu hủy.

[7] Về các vấn đề khác:

Xe máy nhãn hiệu DEALIMKREA, biển số 81AA-038.38, là phương tiện Nguyễn Văn N sử dụng khi đi thực hiện các vụ trộm cắp trái mắc-ca, qua điều tra xác định là tài sản của anh Nguyễn Văn N2. Việc N mượn xe để đi lại, nhưng sau đó sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản thì anh N2 không biết. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã xử lý trả lại xe máy trên cho anh N2 là phù hợp.

Cao Thành Q là người cùng với Nguyễn Văn N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trị giá tài sản mà Q và N chiếm đoạt là 1.700.000 đồng, bản thân Q chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản, chưa bị kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*” hoặc về một trong các tội quy định tại các Điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175, 290 của Bộ luật Hình sự và chưa được xóa án tích, nên hành vi của Q không cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” trong vụ án này. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với Q là phù hợp.

[8] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, các điểm i và s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 50, các điểm i và s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65, Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn N.

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 6 (*sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 6 (*sáu*) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 1 (*một*) năm, tính từ ngày 12-11-2020.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục bị cáo Nguyễn Văn N trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Nguyễn Văn N có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Nguyễn Văn N.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu và tiêu hủy: 1 bao xác rắn màu vàng - đỏ - xanh, có chữ NPK Phú Mỹ; 1 bao xác rắn màu trắng, có chữ THƠM THÁI; 1 bao xác rắn màu vàng, có chữ Thơm Lài và 1 bao xác rắn màu trắng, có chữ H6270L.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27-10-2020 giữa Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P).

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. P;
- UBND xã D, thành phố P;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền